

**CÔNG TY TNHH ISCAMPS VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ISCAMPS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ISCAMPS VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ISCAMPS VIET NAM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109467995

**3. Ngày thành lập:** 23/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 2, Số 163 đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(trừ đấu giá) | 4610     |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                            | 4653     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                   | 4659     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                           | 4663     |
| 5.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh            | 4741     |
| 6.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                         | 4742     |
| 7.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                          | 4761     |
| 8.  | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                        | 4763     |
| 9.  | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                          | 4764     |
| 10. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                  | 4771     |
| 11. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư                              | 6619     |
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                    | 7410     |
| 13. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động khí tượng thủy văn | 7490     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                              | 8299        |
| 15. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8531        |
| 16. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8532        |
| 17. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8533        |
| 18. | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8541        |
| 19. | Đào tạo thạc sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8542        |
| 20. | Đào tạo tiến sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8543        |
| 21. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8551(Chính) |
| 22. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh; | 8559        |
| 23. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8560        |
| 24. | Hoạt động y tế dự phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8691        |
| 25. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9000        |
| 26. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9311        |
| 27. | Hoạt động thể thao khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9319        |
| 28. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 9321        |
| 29. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);                                                                                                                                                                                                           | 9329        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

Thời gian đăng từ ngày 23/12/2020 đến ngày 22/01/2021

\* Họ và tên: HỒ MAI HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch Công ty*

Sinh ngày: 15/11/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 044080000021

Ngày cấp: 27/11/2020

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 163, đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 163, đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội